TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1061/2019/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 20 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ TẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự yêu cầu về hôn nhân gia đình thụ lý số 1168/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/9/2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

- Người yêu cầu:

1/ Bà Âu Thị Mỹ T, sinh năm 1984.

Thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Bưu điện Trần Đại Nghĩa, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987.

Thường trú: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 149, 396 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Bà Âu Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn L đã được Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86/HT, quyển số 01/2009 ngày 09/6/2009.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Âu Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự Tả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 29/12/2009.

Bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 29/12/2009; ông L cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, thi hành vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2019, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông L chưa thi hành việc cấp dưỡng thì hàng tháng ông L còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung: Bà Âu Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn L cùng xác định không có.

* Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Âu Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn L cùng xác định không có.

* Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà T và ông L mỗi bên phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà T, ông L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022692 ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà T, ông L đã nộp đủ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Hương